

Số: **55** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **12** tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe
bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn,
giai đoạn 2017 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 4177/QĐ-BYT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động Quốc gia về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 06/CT-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 36/TTr-SYT ngày 09 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017 – 2020.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Huệ



Số: **55** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **12** tháng 01 năm 2018

KẾ HOẠCH

**Hành động về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh
và trẻ em trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017 - 2020**
(Kèm theo Quyết định số **55** /QĐ-UBND ngày **12** tháng 01 năm 2018
của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Làm tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản có chất lượng, củng cố mạng lưới cấp cứu và điều trị sản khoa, nhi khoa; ưu tiên các can thiệp giảm tử vong mẹ và tử vong trẻ em nhằm giảm sự khác biệt về tình trạng sức khỏe và tình trạng tử vong mẹ, tử vong trẻ em giữa các vùng miền, các nhóm đối tượng ưu tiên; đồng thời hướng tới nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản ở các cấp theo hướng chuyên sâu.

2. Yêu cầu

Các đơn vị y tế cần tích cực chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020. Các hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch phải bám sát "Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2017 - 2020" ban hành kèm theo Quyết định số 4177/QĐ-BYT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

II. NỘI DUNG

1. Thực trạng công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em tỉnh Bắc Kạn

Trong những năm qua, công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Các chỉ số về sức khỏe bà mẹ, trẻ em của tỉnh đều đạt khá cao so với các tỉnh trong khu vực và trong cả nước. Số phụ nữ có thai được quản lý thai nghén đạt trên 95%; số phụ nữ đẻ được khám thai trên 3 lần đạt 80%; số phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế đạt trên 90%; số phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ đạt trên 95%; trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 95%; tử vong trẻ sơ sinh, tử vong trẻ dưới 01 tuổi là 8,2 %; tử vong trẻ dưới 5 tuổi là 11,4‰; tai biến sản khoa giảm, số bà mẹ tử vong do tai biến sản khoa ở mức thấp 29/100.000 trẻ đẻ sống (toàn quốc là 58/100.000 trẻ đẻ sống); tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi chiếm 18%.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 04 đơn vị đã thành lập đơn nguyên sơ sinh thuộc khoa Nhi, đang hoạt động có hiệu quả.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em còn một số tồn tại, hạn chế như: Vẫn còn tử vong mẹ, tử vong sơ sinh và có sự khác biệt giữa các vùng; tình trạng phá thai lặp lại, phá thai không an toàn, nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục còn xảy ra; đối tượng vị thành niên và thanh niên còn thiếu kiến thức về sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc trước, trong và sau sinh của người dân nhất là ở các vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế. Phong tục, tập quán trong chăm sóc bà mẹ, nuôi dưỡng trẻ sơ sinh, trẻ em ở nhiều nơi lạc hậu. Năng lực chuyên môn của nhân viên y tế trong chăm sóc sản khoa, chăm sóc sơ sinh đặc biệt là mạng lưới y tế thôn bản còn hạn chế. Ngân sách đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án của các tổ chức quốc tế bị cắt giảm mạnh, nguồn lực hỗ trợ của địa phương cho công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản hạn hẹp.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ và trẻ em để giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em thông qua các giải pháp can thiệp và thực hiện các biện pháp dự phòng có hiệu quả, ưu tiên các vùng còn nhiều khó khăn nhằm tiếp tục giảm sự khác biệt giữa các vùng trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, chăm sóc sơ sinh, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ; góp phần thực hiện các mục tiêu của Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030; Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và chỉ tiêu về sức khỏe bà mẹ trẻ em trong các mục tiêu phát triển bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

* Mục tiêu 1: Tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước, trong và sau sinh, ưu tiên những vùng khó khăn/đặc biệt khó khăn nhằm thu hẹp sự chênh lệch về tình trạng sức khỏe và tử vong mẹ giữa các vùng:

- Tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống <52‰;
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thai kỳ >90‰;
- Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng đủ mũi vắc xin uốn ván >90‰;
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ >97‰;
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế >95‰;
- Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh >95‰;
- Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại 69%.

(Chi tiết cụ thể từng năm theo Phụ lục số 01).

* Mục tiêu 2: Tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ sơ sinh, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ, ưu tiên những vùng khó khăn/đặc biệt khó khăn nhằm thu hẹp sự khác biệt về tình trạng sức khỏe và tử vong trẻ sơ sinh, trẻ em giữa thành phố và nông thôn:

- Tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống <14‰;
- Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi /1000 trẻ đẻ sống <18‰;
- Tỷ lệ trẻ được bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu 35%;
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi 17,2%
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi 28,4 %.

(Chi tiết cụ thể từng năm theo Phụ lục số 02).

3. Đối tượng, địa bàn, thời gian thực hiện

a) Đối tượng can thiệp

- Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, bà mẹ trong thời gian mang thai, trong cuộc đẻ, sau đẻ, bà mẹ cho con bú, trẻ sơ sinh, trẻ em dưới 5 tuổi, người chăm sóc trẻ từ 0-24 tháng tuổi và cộng đồng. Ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đồng bào dân tộc ít người.

- Cán bộ y tế đang làm việc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em ở tất cả các tuyến, tập trung vào tuyến cơ sở.

- Cán bộ quản lý liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em ở tất cả các tuyến.

b) Địa bàn thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

c) Thời gian thực hiện: Từ năm 2017 - 2020.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường truyền thông và tuyên truyền vận động

- Đẩy mạnh truyền thông vận động về tầm quan trọng của công tác làm mẹ an toàn và chăm sóc sơ sinh cho các sở, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội. Huy động các cơ quan truyền thông đại chúng tham gia vận động chính sách, nguồn lực của địa phương, tạo thuận lợi cho công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

- Tăng cường các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông cho cộng đồng về: Kiến thức, thực hành tốt trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tính sẵn có và chất lượng của dịch vụ; các chế độ chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

- Cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức và hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Xây dựng chuyên trang, bản tin, chuyên đề, phóng sự trên Báo, Đài Phát thanh – Truyền hình Bắc Kạn, trang Website của Sở Y tế,

- Chú trọng truyền thông thay đổi hành vi thông qua đội ngũ truyền thông viên trực tiếp tại cộng đồng. Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại các cơ sở cung cấp dịch vụ. Đào tạo kỹ năng truyền thông trực tiếp cho đội ngũ người cung cấp dịch vụ các tuyến và truyền thông viên tại cộng đồng, tăng cường kết nối giữa truyền thông và cung cấp dịch vụ.

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp đa dạng hoá các loại hình truyền thông đến các nhóm đối tượng ưu tiên.

- Truyền thông giáo dục y đức, nâng cao ý thức tinh thần trách nhiệm, thái độ ứng xử, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ nhân viên ngành Y tế.

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu

- Tăng cường cơ sở vật chất cho tuyến xã, đặc biệt các trạm y tế có đờ đề ở vùng nông thôn, vùng núi cao; nâng cấp, xây mới hoặc bố trí phòng đờ riêng và cung cấp, bổ sung các dụng cụ, trang thiết bị còn thiếu. Duy trì nguồn cung cấp thuốc cần thiết cho phụ nữ có thai, bà mẹ và cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, đặc biệt là các thuốc cấp cứu ở tuyến xã.

- Bổ sung đồng bộ trang thiết bị, thuốc, vật tư tiêu hao; nâng cấp cơ sở vật chất, kết hợp với đào tạo cán bộ cho các bệnh viện tuyến huyện có khó khăn về địa lý đờ có đủ khả năng cung cấp gói dịch vụ cấp cứu sản khoa toàn diện và triển khai, tiếp tục triển khai và duy trì hoạt động của đơn nguyên sơ sinh.

- Cùng cố, bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh đờ có thể thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ đờ được giao theo Thông tư số 59/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế.

3. Đảm bảo nguồn nhân lực chuyên ngành và nâng cao năng lực chuyên môn phụ sản/nhi sơ sinh cho y tế các tuyến

a) Đối với các thôn, bản thuộc vùng đặc biệt khó khăn

- Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách hỗ trợ đặc thù đối với đội y tế thôn, bản tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

b) Đối với tuyến xã

- Duy trì nguồn nhân lực sản, nhi thông qua việc tăng cường tuyển dụng, luân chuyển hộ sinh và đào tạo bổ sung kiến thức, kỹ năng hộ sinh cho y sĩ của các trạm y tế xã, ưu tiên các cơ sở có đờ đề tại các vùng khó khăn về địa lý.

- Tăng cường đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cho nhân viên y tế đang làm công tác đờ đề theo hướng đạt đờ các tiêu chuẩn của người đờ đề có kỹ năng.

c) Đối với tuyến huyện

- Bổ sung số lượng bác sĩ chuyên khoa thông qua thực hiện quy định về nghĩa vụ xã hội đối với bác sĩ về công tác ở vùng sâu, vùng xa (chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề khám, chữa bệnh theo Quyết định 14/2013-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ); luân chuyển bác sĩ chuyên khoa sản, nhi; đào tạo bác sĩ đa khoa thành bác sĩ chuyên ngành sản, nhi, đặc biệt ưu tiên các huyện có khó khăn về địa lý.

- Tăng cường đào tạo tại chỗ, đào tạo lại, đào tạo theo nhu cầu, chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên cho tuyến dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc, hoặc các hình thức phù hợp tại các cơ sở lâm sàng. Áp dụng phương thức đưa hộ sinh, điều dưỡng ở tuyến xã làm việc quay vòng ở bệnh viện huyện nhằm duy trì và tăng cường năng lực.

- Tăng cường đào tạo liên tục cho nhân viên y tế trực tiếp làm công tác đỡ đẻ theo hướng đạt được các tiêu chuẩn của người đỡ đẻ có kỹ năng, ưu tiên các huyện có khó khăn về địa lý.

- Chú trọng đào tạo cán bộ theo kịp đáp ứng yêu cầu của từng gói dịch vụ kỹ thuật về cấp cứu, hồi sức sản khoa và chăm sóc sơ sinh (phẫu thuật cấp cứu sản khoa, hồi sức nội khoa trong sản khoa, truyền máu, chăm sóc, điều trị, cấp cứu, hồi sức sơ sinh).

d) Đối với tuyến tỉnh

- Đẩy mạnh công tác chỉ đạo tuyến, chuyển giao hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến dưới.

- Tăng cường bố trí nhân lực theo số giường bệnh, đặc biệt là nhân lực điều dưỡng và hộ sinh nhằm góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin và cải thiện chất lượng báo cáo thống kê y tế

- Huấn luyện, đào tạo lại cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng báo cáo.

- Ứng dụng công nghệ thông tin thông qua việc thực hiện tin học hóa hệ thống gửi/nhận văn bản điện tử, hệ thống thống kê báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về sức khỏe sinh sản.

- Nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định tử vong mẹ, chuyển đổi cách tiếp cận từ “thẩm định” sang “giám sát và đáp ứng” theo hướng chú trọng hơn vào thông tin phản hồi và đáp ứng kịp thời theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, nhằm triển khai thường quy về giám sát và đáp ứng tử vong mẹ. Tăng cường hiệu quả hoạt động của ban thẩm định tử vong mẹ ở tỉnh.

5. Tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

- Tăng cường năng lực cho mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, chăm sóc sơ sinh, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ tại các tuyến.

- Tăng cường giám sát hỗ trợ, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật về làm mẹ an toàn, cấp cứu, hồi sức sản khoa, chăm sóc, cấp cứu, hồi sức sơ sinh, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ ... của các cơ sở y tế, bao gồm cả các cơ sở y tế tư nhân, y tế ngành.

- Tăng cường chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và phối hợp hành động giữa đơn vị trong ngành Y tế, các tổ chức liên quan trong việc triển khai các mô hình can thiệp có hiệu quả về làm mẹ an toàn, cấp cứu, hồi sức sản khoa, chăm sóc, cấp cứu, hồi sức sơ sinh và chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế (đầu mối là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2017 – 2020, trong đó ưu tiên thực hiện giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh; tham mưu đưa các chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 05 năm của tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan nghiên cứu và đề xuất bổ sung chính sách đãi ngộ nhằm thu hút cán bộ y tế, đặc biệt là bác sĩ chuyên ngành sản, nhi về công tác tại tuyến y tế cơ sở.

- Cùng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức mạng lưới khám, chữa bệnh sản phụ khoa và nhi khoa trên địa bàn tỉnh; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cần thiết cho các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, đặc biệt các nội dung về làm mẹ an toàn và chăm sóc sơ sinh. Quan tâm đầu tư cho các bệnh viện chưa triển khai được mổ đẻ và truyền máu. Thiết lập, vận hành “Đường dây nóng về xử trí cấp cứu tai biến sản khoa”; tăng cường phối kết hợp, hỗ trợ, hội chẩn liên chuyên khoa khi có báo động của hệ thống sản khoa như: Sản, nhi, hồi sức cấp cứu, gây mê, huyết học truyền máu, tim mạch, nội tiết...

- Rà soát tình hình trang thiết bị và cán bộ làm công tác chăm sóc sản khoa, nhi khoa, nhất là công tác cấp cứu sản khoa, nhi khoa ở các tuyến trên địa bàn để có kế hoạch đào tạo và bổ sung trang thiết bị, đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và các quy định liên quan. Kiểm tra giấy phép hoạt động, phạm vi chuyên môn, điều kiện và năng lực thực tế về chăm sóc cấp cứu sản khoa và sơ sinh; kiểm tra quy chế bệnh viện và các quy trình chuyên môn về chẩn đoán, theo dõi, cấp cứu sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế trên địa bàn:

+ Tăng cường truyền thông giáo dục để các bà mẹ mang thai được khám, quản lý thai sớm, biết được các dấu hiệu thai nguy cơ, hưởng ứng ngay vi chất dinh dưỡng. Đảm bảo trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng được tiêm đầy đủ.

+ Thực hiện đúng quy trình khám thai, phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ và tai biến có thể xảy ra đối với thai phụ và thai nhi để có thái độ xử trí phù hợp. Theo dõi chặt chẽ quá trình chuyển dạ nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu nguy cơ để xử trí kịp thời. Thực hiện đỡ đẻ đúng kỹ thuật, can thiệp kỹ thuật, thủ thuật, phẫu thuật đúng chỉ định. Thực hiện thường quy chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ và sau mổ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

+ Đảm bảo cấp cứu, chuyển tuyến kịp thời hoặc mời tuyến trên đến hỗ trợ trong trường hợp cần thiết. Tăng cường phối hợp các chuyên khoa trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, đặc biệt là trong xử lý các tình huống cấp cứu, hồi sức sơ sinh.

+ Thực hiện tốt việc chăm sóc và theo dõi sản phụ, trẻ sơ sinh ngay đầu, tuần đầu sau đẻ, đặc biệt trong 6 giờ đầu sau đẻ nhằm phát hiện và xử trí kịp thời những bất thường xảy ra đối với mẹ và con; đảm bảo trẻ sơ sinh được tiêm vitamin K₁, tiêm vắc xin phòng viêm gan B và các loại vắc xin khác thuộc Chương trình tiêm chủng mở rộng.

+ Tăng cường sự phối hợp giữa chuyên khoa sản với chuyên khoa nhi và hồi sức cấp cứu trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, đặc biệt trong việc xử lý cấp cứu, hồi sức sơ sinh tại phòng đẻ; phòng mổ, đối với các trường hợp đẻ non, đẻ thiếu cân, các bác sĩ nhi khoa phải có mặt để cùng tham gia hồi sức cấp cứu.

+ Cùng cố, kiện toàn hoặc thành lập ngay (nếu chưa có) các đơn nguyên sơ sinh thuộc khoa nhi tại các bệnh viện đa khoa tuyến huyện.

+ Xây dựng tài liệu, kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe và đẩy mạnh các hoạt động truyền thông chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và phòng chống các tai biến sản khoa.

+ Tổ chức đào tạo lại cho cán bộ y tế làm công tác sản khoa ở các tuyến để đạt tiêu chí về người đỡ đẻ có kỹ năng theo tài liệu hướng dẫn và quy định của Bộ Y tế. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo tuyến, hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến dưới, tăng cường công tác giám sát hỗ trợ tại chỗ theo định kỳ.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo cơ quan thông tin truyền thông trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản, làm mẹ an toàn và chăm sóc trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu rà soát, đề xuất bổ sung chính sách đãi ngộ nhằm thu hút cán bộ chuyên môn giỏi và chuyên ngành sản phụ khoa, nhi khoa về công tác tại tuyến y tế cơ sở.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế tham mưu về cơ chế, chính sách, huy động và điều phối các nguồn lực đầu tư cho các hoạt động về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2017 – 2020,

5. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối nguồn lực, phối hợp với Sở Y tế bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2017 - 2020 theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức hội, đoàn thể

Theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế trong công tác tuyên truyền, vận động tăng cường sự ủng hộ về chính sách và nguồn lực của tỉnh cho công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em; đồng thời tích cực tham gia công tác truyền thông - giáo dục, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và phòng, chống các tai biến sản khoa đến các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi của người dân về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Đưa các chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 05 năm của địa phương. Tăng cường đầu tư từ ngân sách địa phương kết hợp với hỗ trợ của trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác để tập trung thực hiện các mục tiêu giảm tử vong mẹ và tử vong sơ sinh.

- Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện các giải pháp nhằm đạt được chỉ tiêu về sức khỏe bà mẹ, trẻ em và mục tiêu phát triển bền vững vào năm 2030.

- Xây dựng kế hoạch và huy động nguồn lực của địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch; chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế) về kết quả thực hiện kế hoạch trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Duy Hưng

PHỤ LỤC I

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Chỉ tiêu			
				Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tỷ số tử vong mẹ /100.000 trẻ đẻ sống		36,5	55	54	53	<52
2	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thời kỳ	%	80	80	88	89	>90
3	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng đủ mũi vắc xin uốn ván	%	92,4	91,1	90	90	>90
4	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	%	95	95	95	95	>97
5	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế	%	92,4	>90	>90	>92	>95
6	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh	%	90	90	90	90	>95
7	Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 tuổi áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại	%	66,29	65	67	68	69

PHỤ LỤC 2

ST	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Chỉ tiêu			
				Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	‰	6,4	<15	<15	<15	<14
2	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	‰	8,0	<18	<18	<18	<18
3	Tỷ lệ trẻ được bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	%	42	30	30	32	35
4	Tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	18	17,8	17,6	17,4	17,2
5	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	29,4	29,2	28,8	28,6	28,4